

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày: 27-3-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Khắc Tiệp và bà Trần Thanh Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cao – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị X, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1992, tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nơi thường trú: Khu P, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nơi tạm trú: Căn hộ xx, tòa nhà S2xx, tổ dân phố số 1x, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiền P, sinh năm 1961 và bà Lưu Thị T, sinh năm 1963, bị cáo có chồng là Nguyễn Đức T1, sinh năm 1988 (hiện đã ly hôn); bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/10/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Bùi Thị Ngọc A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm N, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người làm chứng: Chị Hồ Thị X, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm N, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/4/2023 chị Bùi Thị Ngọc A, sinh năm 1992, trú tại xóm N, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình, thông qua phần mềm Mobile Banking đã chuyển nhằm số tiền 332.830.000 đồng từ số tài khoản 900016213xxxx ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Quân đội (MB Bank) của chị Hồ Thị X, sinh năm 1985, trú tại xóm N, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình (là chị dâu của Ngọc A) đến số tài khoản 1903480714xxxx của Nguyễn Thị X mở tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank). Chị Ngọc A biết chuyển nhằm tiền nên thực hiện tiếp 01 giao dịch với số tiền 10.000 đồng vào tài khoản của X với nội dung “em chuyen nham gọi lai cho em voi 0986621xxx em cam on”. X dùng số điện thoại 0844444xxx điện thoại vào số 0986621xxx của chị Ngọc A, qua trao đổi với X thì chị Ngọc A xác nhận đã chuyển nhằm tiền vào tài khoản của X và yêu cầu X chuyển trả lại. Ngày 01/5/2023 Nguyễn Thị X sử dụng ứng dụng của ngân hàng Techcombank thực hiện lệnh chuyển số tiền 332.830.000 đồng để trả lại tiền cho chị Ngọc A thì ngân hàng thông báo “không thể thực hiện giao dịch do số tiền vượt quá số dư hiện tại”. Lúc này, X đã thử chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản 071100022xxxx của Nguyễn Thị X mở tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) thì giao dịch được thực hiện thành công. Thấy vậy, X thực hiện các giao dịch chuyển khoản để trả lại cho chị Ngọc A tổng số tiền 245.000.000 đồng, trong đó lần 1 chuyển 230.000.000 đồng, lần 2 chuyển 10.000.000 đồng, lần 3 chuyển 5.000.000 đồng. Sau đó X nảy sinh ý định chiếm giữ số tiền của chị Ngọc A để tiêu xài cá nhân, nên X đã thực hiện tiếp 03 giao dịch chuyển vào số tài khoản của Xuyên 071100022xxxx ngân hàng Vietcombank tổng số tiền 17.250.000 đồng và từ số tiền trên X đã thực hiện các giao dịch chuyển tiền khác để chi tiêu cá nhân mà không trả lại tiền cho chị Bùi Thị Ngọc A. Thấy X không chuyển trả số tiền còn lại là 87.830.000 đồng chị Ngọc A tiếp tục liên lạc với X đề nghị trả lại cho mình số tiền trên. X trả lời không thể trả lại cho Ngọc A được, bởi vì X đang có nợ xấu tại ngân hàng Techcombank nên ngân hàng đã phong tỏa tài khoản, điều kiện của X thì cũng không có để trả. Ngày 05/5/2023, số tài khoản 1973480714xxxx là tài khoản đối ứng của số tài khoản 1903480714xxxx (được ngân hàng Techcombank cấp hạn mức theo hình thức tín chấp) của Nguyễn Thị X bị ngân hàng Techcombank thu nợ 60.541.127 đồng.

Ngày 24/5/2023 và 04/7/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Châu đã có công văn gửi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) về việc phối hợp xác minh. Tại công văn số 147/TCB-NSO ngày 07/6/2023 và công văn số 175/TCB-NSO ngày 04/7/2023 của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam chi nhánh ngã Tư Sở xác định: Tài khoản 1903480714xxxx của Nguyễn Thị X thuộc loại tài khoản tiền gửi thanh toán; số tài khoản 19734807143012 là tài khoản thẻ tín dụng của Nguyễn Thị Xuyên; ngày 05/5/2023 tài khoản 1973480714xxxx ghi nợ - 60,541,172 vnd diễn giải (OPS – thu nợ thẻ tín dụng của KH Nguyen Thi X). Đó chính là giao dịch mà ngân hàng Techcombank thu nợ quá hạn thẻ tín dụng do khách hàng đang có dư nợ thẻ tín dụng tại Techcombank chứ không phải do chủ tài khoản cố ý chuyển tiền từ tài khoản 1903480714xxxx đến tài khoản 19734807143xxxx để chiếm đoạt.

Cơ quan CSĐT đã làm việc với ngân hàng Techcombank, phía ngân hàng cung cấp đối với khoản nợ của Nguyễn Thị X, theo quy định ngân hàng đã phong

tòa khoản nợ ngay từ khi có tiền chuyển vào tài khoản của X nhưng đến ngày 05/5/2023 ngân hàng mới thực hiện lệnh thu nợ đối với số tiền 60.541.127 đồng.

Ngày 18/01/2024, Ngân hàng Techcombank đã thực hiện thoái thu số tiền thu nợ quá hạn 60.541.127 đồng vào tài khoản thanh toán 1903480714xxxx của Nguyễn Thị X. Ngày 23/01/2024, chị Bùi Thị Ngọc A đã nhận lại được số tiền 60.541.127 đồng trên.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSMC ngày 21 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu truy tố Nguyễn Thị X về tội Chiếm giữ trái phép tài sản theo khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh, hình phạt: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội Chiếm giữ trái phép tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 176; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Nguyễn Thị X từ 03 tháng đến 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Bùi Thị Ngọc A không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 27.288.873 đồng đã chiếm đoạt của chị Ngọc A và số tiền 10.000 đồng mà chị Ngọc A đã chuyển cho X ngay sau đó và không có yêu cầu gì khác. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo đã nhận được các văn bản tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án, quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo đã được phổ biến quyền và nghĩa vụ, không bị ép cung, mớm cung, bị cáo đồng ý với nội dung Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo không thuê Luật sư hoặc nhờ trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho mình, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, phạm tội do bộc phát, ban đầu không có ý chiếm đoạt tiền, sau đó do khó khăn nên đã tiêu số tiền 27.288.873 đồng, không có để trả lại. Bị cáo đang một mình nuôi 02 con nhỏ, xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bị hại Bùi Thị Ngọc A: Ngày 29/4/2023 chị Ngọc A giao dịch trên hệ thống phần mềm Mobile Banking (trên tài khoản của chị dâu là Hồ Thị X) để thanh toán tiền nguyên, vật liệu xây nhà là 332.830.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình chuyển tiền đã chuyển nhầm số tiền trên vào tài khoản của bị cáo Nguyễn Thị X. Sau đó chị Ngọc A đã tìm cách để liên lạc với bị cáo X và được bị cáo X chuyển lại 245.000.000 đồng, tại thời điểm đó tài khoản bị cáo X đang có dư nợ thẻ tín dụng và bị thu nợ là 60.541.127 đồng khi chị Ngọc A chuyển nhầm vào, tuy nhiên Ngân hàng đã thoái thu và chị Ngọc A đã nhận được lại số tiền trên. Còn lại số tiền 27.288.873 đồng bị cáo X đã chiếm đoạt không trả lại và 10.000 đồng mà chị Ngọc A chuyển cho bị cáo, chị Ngọc A không yêu cầu bị cáo X trả lại hai khoản tiền này. Tại phiên tòa chị Ngọc A xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo X.

Ý kiến của người làm chứng chị Hồ Thị X: Ngày 29/4/2023, chị X cho em chồng là Bùi Thị Ngọc A mượn tài khoản ngân hàng để thanh toán tiền nguyên vật liệu xây nhà, chị chỉ biết Ngọc A đã chuyển nhầm vào số tài khoản của người

khác, sau này mới biết là bị cáo hôm nay, trước đây việc chuyển nhằm tiền cho ai cụ thể như thế nào chị Xinh không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ xác định có tội: Tại cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 29/4/2023, chị Bùi Thị Ngọc A đã chuyển nhằm số tiền 332.830.000 đồng vào số tài khoản 1903480714xxxx của bị cáo Nguyễn Thị X mở tại ngân hàng Techcombank. Chị Ngọc A đã liên lạc với X để xin lại số tiền đã chuyển nhằm. Ngày 01/5/2023 X đã chuyển trả lại chị Ngọc A số tiền 245.000.000 đồng; X đang có dư nợ thẻ tín dụng tại Techcombank nên đã bị ngân hàng thu nợ 60.541.172 đồng, sau đó xác định không phải tiền của X ngày 18/01/2024 ngân hàng đã thoái thu, ngày 23/01/2024 chị Ngọc A đã nhận lại số tiền 60.541.172 đồng. Số tiền còn lại là 27.288.873 đồng X không trả lại, chiếm giữ để sử dụng vào mục đích cá nhân. Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội Chiếm giữ trái phép tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự.

[2] Chứng cứ xác định không có tội: Không có.

[3] Xét tính chất, nguyên nhân điều kiện phạm tội, mức độ hành vi phạm tội:

Về tính chất, nguyên nhân điều kiện phạm tội: Việc chị Bùi Thị Ngọc A chuyển nhằm tiền vào tài khoản của bị cáo, là không có lỗi của bị cáo. Nhưng trước sự bất ngờ có được tài sản ngoài mong muốn, lẽ ra phải trả lại toàn bộ nhưng bị cáo vẫn cố tình chiếm giữ một phần không có căn cứ pháp luật để phục vụ nhu cầu bản thân, nên bị cáo đã phạm vào tội mà Bộ luật Hình sự quy định. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, trong khi việc chuyển nhằm tiền có thể xảy ra với nhiều người khi thực hiện các giao dịch. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị hại là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, nguyên nhân, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng của bị cáo nêu trên. Đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết văn bản hợp nhất số: 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt, trách nhiệm dân sự và về các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã có ý kiến đề nghị nêu trên. Xét thấy có căn cứ phù hợp quy định pháp luật cần xử lý, giải quyết theo hướng đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị X phải nộp án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội Chiếm giữ trái phép tài sản.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị X cho Ủy ban nhân dân phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội nơi bị cáo đang cư trú để quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nêu trên trong việc giám sát giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Thị Ngọc A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Thị X phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh HB;
- STP tỉnh HB;
- Phòng Hồ sơ CAT;
- VKSND huyện MC;
- Cơ quanĐT; Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- Chi cục THA dân sự;
- Hồ sơ THAHS;
- UBND phường Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội;
- UBND xã Tây Cốc, Phúc Đình, Phú Thọ;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thanh Tùng